TCT TÂN CẢNG SÀI GÒN
CTY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 25 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng ngày 25/04/2024.

Ngày 25/04/2024, Công ty Kho vận Tân Cảng đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 tại Hội trường Lầu 4 Công ty (Cổng C, Cảng Tân Cảng Cát Lái, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh) với sự tham gia của 101 cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của đông. Tổng cộng sở hữu: 15.359.481 cổ phần, chiếm 76,8319% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất ra Nghị quyết với các nội dung sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023.

Điều 2: Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, kế hoạch sản xuất kinh doanh 2024 ; kết quả đầu tư 2023; kế hoạch đầu tư năm 2024.

2.1 Kết quả kinh doanh năm 2023.

2.1.1 Kết quả sản lượng thực hiện năm 2023 Công ty mẹ (một số chỉ tiêu chính)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện năm 2023		
			Giá trị	% so với kế hoạch	% so với cùng kỳ
Sản lượng kho (tấn)	1.218.423	1.221.324	1.099.934	90,1	90,3
Sản lượng bãi (teus)	676.142	740.363	720.513	97,3	106,6

2.1.2 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023

a. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 hợp nhất (BCTCHN kiểm toán).

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023		
			Giá trị	% so kế hoạch	% so cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	**939.733**	**947.823**	**948.959**	**100,1**	**101,0**
1. Doanh thu bán hàng	930.416	932.141	929.060	99,7	99,9%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.520	6.437	12.299	191,1	144,4
3. Thu nhập khác	797	9.245	7.601	82,2	953,3
II. Tổng chi phí	**823.174**	**818.937**	**821.719**	**100,3**	99,8
1. Giá vốn hàng bán	719.228	702.938	707.015	100,6	98,3
2. Chi phí tài chính	5.149	4.395	2.783	63,3	54,0
3. Phần lãi/lỗ trong cty liên kết	(716)	(338)	(289)	85,5	40,4
4. Chi phí bán hàng	28.137	34.378	33.291	96,8	118,3
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	69.713	75.960	75.822	99,8	108,8
6. Chi phí khác	1.663	1.604	3.097	193,1	186,3
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	**115.127**	**128.209**	**126.662**	**98,8**	110,0
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.376	29.314	28.961	98,8	105,8
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	44	0	290		661,6
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	**87.706**	**98.895**	**97.412**	**98,5**	111,1
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	**2.616**	**2.928**	**2.750**	**93,9**	105,12

b) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 (BCTC Cty mẹ kiểm toán năm 2023)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023		
			Giá trị	% so kế hoạch	% so cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	**754.719**	**792.145**	**786.022**	**99,2**	**104,1**
1. Doanh thu bán hàng	741.049	779.375	768.219	98,6	103,7
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12.874	11.770	17.201	146,1	133,6
3. Thu nhập khác	795	1.000	602	60,2	75,7
II. Tổng chi phí	**652.484**	**684.437**	**676.284**	**98,8**	**103,6**
1. Giá vốn hàng bán	569.881	591.625	583.914	98,7	102,5
2. Chi phí tài chính	4.215	2.749	1.485	54,0	35,2
3. Chi phí bán hàng	18.320	24.300	25.287	104,1	138,0
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	59.104	64.812	63.175	97,5	106,9
5. Chi phí khác	963	950	2.423	255,0	251,5
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	**102.234**	**107.708**	**109.738**	**101,9**	**107,3**
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.688	24.008	24.258	101,0	102,4
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	44	0	290		662
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	**78.502**	**83.700**	**85.190**	**101,8**	**108,5**

2.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

2.2.1 Kế hoạch sản lượng năm 2024 công ty mẹ (một số chỉ tiêu chính).

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2023	DỰ KIẾN NĂM 2024	
			Giá trị	Tỷ lệ % so với 2023
Sản lượng kho	Tấn	1.099.934	1.144.720	104,1
Sản lượng bãi (teus)	Teus	720.513	746.983	103,7

2.2.2 Kế hoạch SXKD năm 2024.

a. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2024 (Hợp nhất):

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Tỷ lệ %
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	**948.959**	**952.901**	**100,4%**
1. Doanh thu bán hàng	929.060	943.597	101,5%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12.299	7.601	61,8%
3. Thu nhập khác	7.601	1.703	22,4%
II. Tổng chi phí	**821.719**	**825.552**	**100,5%**
1. Giá vốn hàng bán	707.015	711.209	100,6%
2. Chi phí tài chính	2.783	1.798	64,6%
3.Lãi lỗ trong công ty liên danh, liên kết	(289)	-	0,0%
4. Chi phí bán hàng	33.291	36.914	110,9%
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	75.822	74.571	98,4%
6. Chi phí khác	3.097	1.448	46,8%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	**126.662**	**126.960**	**100,2%**
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	28.961	28.835	99,6%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	290	-	0,0%
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	**97.412**	**98.125**	**100,7%**
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.750	2.770	100,7%

b. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2024 (Công ty mẹ):

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	**786.022**	**811.144**	**103,2%**

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng	768.219	795.754	103,6%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	17.201	13.690	79,6%
3. Thu nhập khác	602	1.700	282,5%
II. Tổng chi phí	**676.284**	**695.937**	**102,9%**
1. Giá vốn hàng bán	583.914	603.794	103,4%
2. Chi phí tài chính	1.485	100	6,7%
3. Chi phí bán hàng	25.287	28.300	111,9%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	63.175	62.793	99,4%
5. Chi phí khác	2.423	950	39,2%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	**109.738**	**115.207**	**105,0%**
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.258	25.103	103,5%
1. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	290	-	0,0%
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	**85.190**	**90.104**	**105,8%**

2.3 Kết quả đầu tư năm 2023:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Công Trình - Thiết bị- góp vốn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN**	**9.300**	**9.300**	**100**	
1	Mái hiên Canopy kho 2,3 GĐ2	3.700	3.700	100	
2	Mái hiên Canopy kho 2,3 GĐ3	5.600	5.600	100	
II	**MUA SẮM TTB**	**33.453**	**26.182**	**78,26**	
1	Phần mềm eWMS giai đoạn 2 (xuất hàng tự động, nâng cấp tính năng)	1.870	1.870	100	
2	Xe nâng điện kho (02 xe thấp)	2.100	2.100	100	
3	Xe nâng điện kho (02 xe cao)	2.000	4.648		*Thời gian giao hàng sớm vượt KH*
4	Mua 03 xe đầu kéo nội bộ	3.600	0		
5	Mua 17 mooc 40	5.950	2.781	46,7	
6	Thiết bị handheld thay thế .	1.500	1.500	100	
7	Phần mềm eWMSVN giai đoạn 1 (TT làm hàng qua mạng, HĐ điện tử, nâng cấp tính năng…)	2.678	2.678	100	

STT	Công Trình - Thiết bị- góp vốn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
8	Thiết bị, hạ tầng mạng phục vụ triển khai cổng tự động	850	850	100	
9	Phát triển phần mềm triển khai cổng tự động	3.500	835	23,85	*Ứng theo hợp đồng*
10	Các yêu cầu mới phát sinh của eWMS mobile app	1.320	1.320	100	
11	Các yêu cầu mới phát sinh của eWMS (Kho CFS và kho ngoại quan).	2.000	2.000	100	
12	Hạ tầng SMS gateway sử dụng của SNP	290	0	0	*Ko thực hiện*
13	Bổ sung tính năng trên handheld cho xe nâng dầu	195	0	0	*Chuyển 2024*
14	Nâng cấp phòng máy chủ, chuyển đổi internet	3.900	3.900	100	
15	Thay thế camera Analog sang IP, bổ sung camera nhà sạc	1.700	1.700	100	
I	**ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP**	3.600	0	**0**	
1	Góp vốn vào Công ty CP Tân Cảng Express	3.600	0	0	*Chưa thực hiện*
TỔNG		**46.353**	**35.482**	**76,54**	

2.4 Kế hoạch đầu tư năm 2024

Tổng số tiền dự kiến đầu tư năm 2024 là **37.098** triệu đồng (*Ba mươi bảy tỷ, không trăm chín mươi tám triệu đồng*). Chi tiết như sau.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Công Trình - Thiết bị- Góp vốn	Giá trị (triệu đồng)	Ghi chú
1.	Mua 03 xe đầu kéo nội bộ	7.746	*KH 2023 chuyển sang*
2.	Mua 17 mooc 40	4.172	*Thanh toán theo tiến độ HĐ*
3.	Mua 03 mooc nội bộ 45' (2024)	1.350	

STT	Công Trình - Thiết bị- Góp vốn	Giá trị (triệu đồng)	Ghi chú
4.	Thiết bị phủ sóng không dây khu kho hàng	3.000	
5.	Mua 03 xe đầu kéo nội bộ (2024)	9.000	
6.	Thiết bị, hạ tầng mạng phục vụ triển khai cổng tự động	1.750	*Thanh toán theo tiến độ HĐ*
7.	Phát triển phần mềm triển khai cổng tự động	1.950	*Thanh toán theo tiến độ HĐ*
8.	Các yêu cầu mới phát sinh của eWMS (Kho CFS và kho ngoại quan).	2.420	*Thanh toán theo tiến độ HĐ*
9.	Bổ sung tính năng trên handheld cho xe nâng dầu	610	
10.	Phát triển bổ sung tính năng phần mềm eWMS 2024	1.500	
11.	Góp vốn vào cty CP Depot Kho Vận Tân Cảng	3.600	
TỔNG		**37.098**	

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại đại hội cổ đông 2024 ***(Tài liệu đính kèm)***

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 (Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất) ***(Tài liệu đính kèm)***

Điều 5. Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch năm 2024, cụ thể như sau:

1. Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023:

a. Phương án phân phối lợi nhuận

+ Tổng lợi nhuận thực hiện năm 2023 : 109.737.663.202 đồng

+ Thuế TNDN hiện hành : 24.257.791.488 đồng

+ Thuế TNDN hoãn lại : 289.768.360 đồng

+ Tổng lợi nhuận sau thuế : 85.190.103.354 đồng (1)

+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn góp : 42,6%

Theo Điều lệ Công ty và kết qủa SXKD năm 2023, lợi nhuận phân phối được trích như sau:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển : 8.519.010.335 đồng (2)

+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 32.172.099.019 đồng (3)

+ Trích Quỹ thưởng Người quản lý : 518.750.000 đồng (4)

+ Lợi nhuận phân phối năm 2023 = (1)-(2)-(3)-(4): 43.980.244.000 đồng

b. Chia cổ tức năm 2023:

Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2023 và lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2023, Công ty CP Kho Vận Tân Cảng chi cổ tức như sau:

+ Chia cổ tức 22% trên vốn điều lệ, số tiền : 43.980.244.000 đồng

+ Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế còn lại : 0 đồng

+ Hình thức chi trả cổ tức : Bằng tiền

+ Thời gian chi trả cổ tức : Dự kiến tháng 05/2024

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024:

Năm 2024, lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHĐCĐ phân phối như sau:

+ Tổng LNST kế hoạch năm 2024 : 90.103.643.313 đồng

+ Trích quỹ đầu tư phát triển : 9.010.364.331 đồng

+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi(*) : 36.588.034.982 đồng

+ Trích Quỹ thưởng Người quản lý(*) : 525.000.000 đồng

+ Lợi nhuận chưa phân phối : 43.980.244.000 đồng

+ Chia cổ tức 22% trên vốn điều lệ, số tiền : 43.980.244.000 đồng

+ Lợi nhuận chưa phân phối còn lại : 0 đồng

+ Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền

+ Thời gian chi trả cổ tức: Giao HĐQT lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức hợp lý.

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng người quản lý thực hiện năm 2024 của Công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2024 theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

Điều 6. Thông qua Tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024, cụ thể như sau:

1. Lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023

Đơn vị tính: đồng

TT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
I	**Hội đồng quản trị**	**05**			
1	Chủ tịch chuyên trách	01	*Lương thưởng hoạt động theo chế độ chuyên trách*		1.062.758.000
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
II	**Ban kiểm soát**	**03**			
1	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
2	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG					**1.422.758.000**

2. Kế hoạch chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2024

Đơn vị tính: đồng

TT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
1.	Chủ tịch HĐQT	01	*Lương thưởng hoạt động theo chế độ chuyên trách*		1.100.000.000
2.	Thành viên HĐQT	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
3.	Trưởng BKS	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
4.	Thành viên BKS	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG					**1.460.000.000**

Điều 7. Thông qua Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, cụ thể:

1. Thông qua danh sách 05 đơn vị kiểm toán được lựa chọn:
   - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) - Chi nhánh Hà Nội;
   - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Công ty TNHH PWC Việt Nam
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

2. Giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên, giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng theo quy định.

Điều 8. Thông qua Tờ trình về việc đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ), cụ thể:

- Nội dung hợp đồng, giao dịch bao gồm: *Cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ trung chuyển, xếp dỡ, lưu bãi, vận chuyển, móc cáp, vệ sinh, sửa chữa container; thuê/cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng) ; Hợp đồng quảng bá thương hiệu…*
- Thời gian thực hiện : Trong năm 2024 đến thời điểm họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025

Giao cho Giám đốc Công ty triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty.

Điều 9. Thông qua Tờ trình về việc Miễn nhiệm và Bầu cử Bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị NK 2020-2024:

Thông qua miễn nhiệm Ông Trần Quang Thảo - Thành viên Hội đồng quản trị.

Bầu cử bổ sung Ông Đỗ Thanh Trường là thành viên hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2024 của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng.

Điều 10. Thông qua Tờ trình về việc Miễn nhiệm và Bầu cử Bổ sung Thành viên Ban kiểm soát:

Thông qua miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với Ông Nguyễn Hồng Sơn và Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Bầu cử bổ sung: Bà Nguyễn Thị Huyền và Bà Nguyễn Thị Hồng Vân là thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2024 của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng được lập, công bố và thống nhất thông qua trước toàn thể cổ đông tham dự Đại hội.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch tài chính năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Ngô Văn Ngự